



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Số: 259/2010/TĐBV-QHCC
V/v: đăng ký công bố thông tin
qua Website của UBCK NN

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2010

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

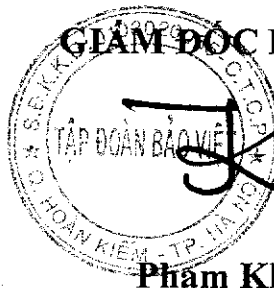
1. Công ty : Tập đoàn Bảo Việt
2. Trụ sở chính : 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
3. Điện thoại : (84.4) 3928 9999
4. Fax : (84.4) 3928 9609
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Khắc Dũng
6. Địa chỉ : 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
7. Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): di động 0904999698
8. Nội dung thông tin công bố:

Công bố Báo cáo Tài chính tóm lược – Công ty Mẹ (Quý IV/2009)
(đính kèm)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Người thực hiện công bố thông tin

Phạm Khắc Dũng



GIÁM ĐỐC HOẠT ĐỘNG

Phạm Khắc Dũng



TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM LƯỢC - CÔNG TY ME
QUÍ IV/2009

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VND

STT	Nội dung	Ngày 31/12/2009	Ngày 30/09/2009
TÀI SẢN			
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.955.691.398.887	4.090.868.116.348
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	16.530.312.670	443.800.688.435
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.975.300.290.000	2.649.414.790.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	962.243.864.783	996.151.544.711
IV	Hàng tồn kho	535.706.172	979.720.850
V	Tài sản ngắn hạn khác	1.081.225.262	521.372.352
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	6.412.400.662.346	6.243.382.064.157
I	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
II	Tài sản cố định	447.987.553.936	393.552.513.828
	- Tài sản cố định hữu hình	186.396.038.084	138.179.959.786
	- Tài sản cố định vô hình	13.947.900.474	13.613.386.325
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	247.643.615.378	241.759.167.717
III	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.964.413.108.410	5.849.829.550.329
<u>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</u>		<u>10.368.092.061.233</u>	<u>10.334.250.180.505</u>
NGUỒN VỐN			
A	NỢ PHẢI TRẢ	1.919.798.096.621	2.061.341.922.428
I	Nợ ngắn hạn	1.898.670.891.203	2.040.318.699.996
II	Nợ dài hạn	21.127.205.418	21.023.222.432
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	8.448.293.964.612	8.272.908.258.077
I	Vốn chủ sở hữu	8.429.246.799.140	8.253.174.597.605
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.730.266.050.000	5.730.266.050.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	1.734.745.821.197	1.734.745.821.197
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	964.234.927.943	788.162.726.408
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	19.047.165.472	19.733.660.472
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19.047.165.472	19.733.660.472
<u>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</u>		<u>10.368.092.061.233</u>	<u>10.334.250.180.505</u>

Red



TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	Cho giai đoạn tài chính từ 01/10/2009 đến 31/12/2009	Cho giai đoạn tài chính từ 01/01/2009 đến 30/09/2009
1	Doanh thu hoạt động tài chính	125.979.095.324	774.448.017.315
2	Chi phí tài chính	(102.995.299.711)	45.165.517.550
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(4.596.032.519)	103.232.217.905
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	233.570.427.554	626.050.281.860
5	Thu nhập khác	6.411.624.451	17.282.900.904
6	Chi phí khác	25.000.000	-
7	Lợi nhuận khác	6.386.624.451	17.282.900.904
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	239.957.052.005	643.333.182.764
9	Chi phí thuế TNDN hiện hành	56.434.640.806	24.579.385.328
10	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	183.522.411.199	618.753.797.436

đkt